

Kiên Giang, ngày 27 tháng 01 năm 2022

Số: 121 /BC-BQL

BÁO CÁO

**Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công từ đầu năm 2021
đến ngày 27/01/2022 và dự kiến giải ngân đến ngày 15/02/2022**

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang báo cáo tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021, năm 2022 như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN VỐN NĂM 2021

1. Vốn bố trí mới năm 2021

- Năm 2021 tổng vốn thực hiện các dự án được bố trí là **436.857 triệu đồng** được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 15/10/2021, Quyết định 2663/QĐ-UBND ngày 03/11/2021, Quyết định 2775/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 và Quyết định số 2930/QĐ-UBND ngày 30/11/2021; trong đó: nguồn XSKT 343.523 triệu đồng, CĐNSĐP 3.600 triệu đồng, sử dụng đất 50.000 triệu đồng, Trung ương 39.734 triệu đồng. Đến thời điểm báo cáo kết quả giải ngân **386.803/436.857** triệu đồng đạt **88,54%** kế hoạch vốn năm, cụ thể lĩnh vực:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Lĩnh vực ngành	Kế hoạch năm 2021			Thực hiện giải ngân đến ngày kỳ báo cáo			Tỷ lệ giải ngân (%)		
		Tổng vốn	Chủ đầu tư phụ trách	BQL phụ trách	Tổng vốn	Chủ đầu tư phụ trách	BQL phụ trách	Tổng vốn	Chủ đầu tư phụ trách	BQL phụ trách
1	Y tế	266.368	0	266.368	256.500	0	256.500	96,30	0	96,30
2	Lao động TB&XH	28.841	0	28.841	22.849	0	22.849	79,22	0	79,22
3	Văn hóa & Thể thao	76.048	35.950	40.098	59.919	22.780	37.139	78,79	63,37	92,62
4	Du lịch	62.000	0	62.000	44.498	0	44.498	71,77		71,77
5	Sở nội vụ (Ủy thác)	3.600	0	3.600	3.037	0	3.037	84,36	0	84,36
Tổng cộng		436.857	35.950	400.907	386.803	22.780	364.023	88,54	63,37	90,80

(Chủ đầu tư phụ trách 02 công trình là Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020 và công trình đầu tư xây dựng Quảng trường trung tâm và tượng đài Bác hồ với tổng số vốn kế hoạch năm của 02 công trình này là 35.950 triệu đồng)

2. Vốn chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021

- Vốn chuyển nguồn là **35.064** triệu đồng (trong đó: nguồn XSKT 27.518 triệu đồng, CĐNSDP 7.546 triệu đồng). Đến thời điểm báo cáo đã giải ngân **25.896/35.064** triệu đồng đạt **73,86%** kế hoạch, cụ thể từng lĩnh vực:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực ngành	Chuyển nguồn 2020 sang 2021	Thực hiện giải ngân đến kỳ báo cáo	Tỷ lệ giải ngân (%)
1	Y tế	26.186	25.535	97,51
2	Lao động thương binh và xã hội	4.814	2.824	58,66
3	Văn hóa & Thể thao	892	98	10,95
4	Thông tin và Truyền thông	68	7	10,29
5	Giáo dục & Đào tạo	1.476	126	8,54
6	Trường Cao đẳng Kiên Giang	1.628	203	12,49
	Tổng cộng	35.064	28.792	82,12

Vốn chuyển nguồn chủ yếu thực hiện thanh toán công trình hoàn thành và trả nợ quyết toán nên sau khi thực hiện vốn còn thừa không thể giải ngân hết 100%.

3. Nguồn Sự nghiệp kinh tế năm 2021

Dự án Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin trung tâm tích hợp dữ liệu đô thị thông minh tỉnh Kiên Giang là 25.987 triệu đồng do Ban quản lý dự án làm Chủ đầu tư, đã giải ngân **7.510/25.987** triệu đồng đạt **28,90%** kế hoạch.

- Đối với gói thầu số 05: Công trình đang hoàn thiện lắp ráp, cài đặt, vận hành.
- Đối với gói thầu số 03, 4.1, 4.2 và 4.3: Công trình đã hoàn thành.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN VỐN NĂM 2022

Năm 2022 tổng vốn thực hiện các dự án được bố trí là **400.059 triệu đồng** tại Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 24/12/2022; trong đó: nguồn XSKT 348.759 triệu đồng, vốn tập trung trong nước 51.300 triệu đồng. Đến thời điểm báo cáo kết quả giải ngân **47.249/400.059** triệu đồng đạt **11,42 %** kế hoạch vốn năm, cụ thể lĩnh vực:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Lĩnh vực ngành	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện giải ngân đến ngày kỳ báo cáo	Tỷ lệ giải ngân (%)
1	Y tế	303.759	45.424	14,95
2	Văn hóa & Thể thao	45.000	261	0,58
3	Du lịch	51.000	1.564	3,07
4	Nội vụ	300	0	0
	Tổng cộng	400.059	47.249	11,81

- Ước thực hiện đến ngày 15/02/2022

Do tình hình nghỉ Tết Nguyên đán kéo dài nên có khả năng công trình chưa thể triển khai công lại trong tháng 02/2022 do đó không có khối lượng giải ngân.

(chi tiết theo Biểu đính kèm)

III. TÌNH HÌNH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH

Trong năm, Ban Quản lý triển khai thực hiện các dự án thuộc các lĩnh vực khác nhau, trong đó có 02 công trình thuộc Sở Văn hóa và Thể thao phụ trách là Cải tạo, sửa chữa trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020 và Đầu tư xây dựng Quảng trường trung tâm và tượng đài Bác hồ tại phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc tỉnh Kiên Giang; cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực Y tế

- Công trình Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng

- Công trình Trung tâm Y tế huyện Giang Thành

Cả hai công trình đang bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ thiết kế cơ sở về phòng cháy chữa cháy theo đề nghị tại Công văn số 41/PCCC ngày 20/12/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH.

- Công trình Bệnh viện Ung Bướu

Hiện các gói thầu số 16, 18, 19 và 35 đã thực hiện xong kiểm toán độc lập đang tổng hợp hồ sơ trình phê duyệt quyết toán theo quy định.

- Công trình Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường

Nhà thầu thi công là Công ty TNHH Trường Phát; giá trị hợp đồng là 589.106.450.282 đồng với thời gian thi công: 960 ngày, kể từ ngày giao mặt bằng ngày 16/4/2020.

Đơn vị thi công đã đổ xong cọc đại trà kích thước 350x350mm và đang nhập cọc D600 mm. Hiện công trình đang triển khai khoan thả cọc D600 mm.

- Công trình Đầu tư thiết bị, phòng mổ kỹ thuật cao (HYBRID) tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang

Nhà thầu thi công là Công ty Cổ phần Armephaco; giá trị hợp đồng là 222.568.790.000 đồng với thời gian thi công: từ ngày 04/9/2020 đến ngày 15/10/2021. Công trình đang chờ cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán hoàn thành.

- Công trình Bệnh viện tâm thần:

Dự án thực hiện 11 gói thầu; trong đó có 08 gói thầu đã có quyết định phê duyệt quyết toán còn lại 03 là gói thầu số 25, 26, và 27 đang trình cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo quy định.

- Công trình BVĐK tỉnh Kiên Giang - quy mô 1020 giường:

Dự án đã được gia hạn thời gian thực hiện đến năm 2022 tại Quyết định số 2958/QĐ-UBND tỉnh Kiên Giang ngày 02/12/2021. Đến nay, dự án đã triển khai thực hiện được 32 gói thầu: trong đó có 15 đã phê duyệt quyết toán, có 06 gói thầu đang chờ cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán, có 07 gói thầu đã nghiệm thu hoàn thành (đang tập hợp hồ sơ để thực hiện thanh quyết toán) và đang thực hiện 04 gói thầu.

- Công trình Bệnh viện Sản Nhi:

Có 06/07 gói thầu đã trình hồ sơ quyết toán cho Sở Tài chính và đã có 04 gói thầu được phê duyệt của cấp thẩm quyền. Không thực hiện gói thầu số 39.2: Thiết bị nhà bếp đã được Sở Y tế chấp thuận tại Tờ trình số 1326/TTr-BQL ngày 23/12/2021 của Ban Quản lý dự án.

2. Lĩnh vực Lao động thương binh và xã hội

- Công trình Trường trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang

+ Gói thầu số 02: Xây dựng mới nhà thực hành, bể nước ngầm + thiết bị PCCC và chống sét, nâng cấp sân nền rãnh thoát nước, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống cấp điện, chiếu sáng do nhà thầu thi công là Công ty TNHH Phạm Bảo; giá trị hợp đồng là 17.289.434.467 đồng với thời gian thi công 360 ngày, kể từ ngày 13/8/2020. Công trình đã nghiệm thu hoàn thành ngày 20/12/2021 và đang tập hợp hồ sơ gửi Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng.

+ Gói thầu số 04: Thiết bị phòng học do nhà thầu cung cấp là Trung tâm Phát triển Công nghệ Công nghiệp và Tự động hóa; giá trị hợp đồng là 1.790.000.000 đồng với thời gian thực hiện 60 ngày, kể từ ngày 04/10/2021. Đã hoàn thành việc cung cấp và lắp đặt thiết bị; hiện đang tập hợp hồ sơ quyết toán.

- Công trình Nâng cao năng lực trung tâm dịch vụ việc làm tại thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc

+ Gói thầu số 02: Nâng cao năng lực Trung tâm Dịch vụ việc làm Phú Quốc do Liên danh Công ty Cổ phần Kiến Thành Phú Quốc và Công ty TNHH Bảo Doanh Kiên Giang với giá trị hợp đồng là 32.520.019.797 đồng, thời gian thực hiện 452 ngày kể từ ngày 13/01/2020.

+ Gói thầu số 04: Thiết bị tin học – Điện tử, phần mềm ứng dụng do nhà thầu cung cấp là Công Ty TNHH Tin Học Á Châu; giá trị hợp đồng là 1.197.031.000 đồng với thời gian thực hiện 90 ngày, kể từ ngày 04/10/2021.

+ Gói thầu số 05: Thiết bị chuyên dùng do nhà thầu cung cấp là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Viết Vinh; giá trị hợp đồng là 1.081.823.000 đồng với thời gian thực hiện 90 ngày, kể từ ngày 04/10/2021.

Cả 03 gói thầu đã nghiệm thu hoàn thành hiện đang thực hiện kiểm toán độc lập trước khi trình cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

- **Công trình Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao**
- **Công trình chỉnh trang cơ sở hạ tầng khu từ trần thuộc nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Kiên Giang**

- **Công trình Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sĩ huyện An Minh**

Cả 03 công trình được bố trí vốn để trả nợ quyết toán hiện đã giải ngân hoàn thành theo giá trị phê duyệt .

- **Công trình Nghĩa trang liệt sĩ Cây Bàng:**
- **Công trình Nâng cấp, mở rộng trụ Sở làm việc Sở Lao Động - Thương binh và Xã hội tỉnh Kiên Giang**

Cả 02 công trình hiện đang chờ phê duyệt quyết toán của cấp thẩm quyền.

3. Lĩnh vực Văn hóa thể thao

- **Công trình Trung tâm triển lãm văn hoá nghệ thuật và bảo tồn di sản văn hoá tỉnh**

Nhà thầu thi công là Công ty TNHH Trường Phát; giá trị hợp đồng là 118.344.985.234 đồng với thời gian thi công: 720 ngày, kể từ ngày giao mặt bằng ngày 02/10/2020. Công trình đang thi công từng vách tầng 2 khối nhà N1 và khối nhà N2-N6.

- **Công trình Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020 (Dự án do Chủ đầu tư thực hiện):**

Đã bàn giao mặt thi công cho Nhà thầu sau khi kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thi công xây dựng, tư vấn giám sát. Đồng thời đã thực hiện tạm ứng 50% giá trị hợp đồng cho nhà thầu. Hiện công trình đang triển khai thi công.

- **Công trình Bảo tồn và phát triển áp văn hóa truyền thống dân tộc Khmer**

Nhà thầu thi công là Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc Kiến An; giá trị hợp đồng là 370.779.871 đồng với thời gian thi công: 50 ngày, kể từ ngày giao mặt bằng ngày 01/11/2021. Công trình đã hoàn thành và đang chờ Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng

- **Đầu tư xây dựng Quảng trường trung tâm và tượng đài Bác Hồ tại phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang:**

Dự án do Chủ đầu tư thực hiện.

4. Lĩnh vực Du lịch

- Công trình Đầu tư xây dựng công trình đường vào khu du lịch Ba Hòn (nâng cấp, mở rộng đoạn từ cây xăng Bình Phận - Mộ Chị Sứ), huyện Hòn Đất.

Gói thầu số 01: Xây dựng Đường vào khu du lịch Ba Hòn (Nâng cấp, mở rộng đoạn từ cây xăng Bình Phận – Mộ Chị Sứ); Di dời và trồng lại cây xanh do Công ty TNHH Trương Phát thực hiện với giá trị hợp đồng là 32.965.125.487 đồng, thời gian thực hiện hợp đồng 600 ngày kể từ ngày 31/12/2020. Công trình đã thi công phần nền hạ và mặt đường.

+ Đối với công tác giải phóng mặt bằng: Đang chờ Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hòn Đất phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Công trình Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào điểm du lịch Cây Gòn (đoạn từ cây Gòn đến kênh 14).

+ Gói thầu thi công xây dựng do Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư và xây lắp 579 Hà Nội và Công ty Cổ phần ACC-244 thực hiện với Giá trị hợp đồng là 26.812.464.960 đồng, thời gian thực hiện hợp đồng 400 ngày kể từ ngày 17/09/2020. Công trình đã thi công hoàn thành và đang tập hợp hồ sơ trình Sở Giao thông kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng.

+ Gói thầu số 02: Trồng cây xanh hai bên lề đường; hiện công trình đang triển khai thi công.

- Công trình Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê + đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cống Hòn Quéo):

Đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng đối với gói thầu thi công xây dựng, tư vấn giám sát. Hiện công trình đang triển khai thi công.

- Công trình Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu di tích lịch sử thắng cảnh núi Mo So, huyện Kiên Lương và hồ Hoa Mai, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang

- Gói thầu số 20: Thi công xây dựng hạng mục khu di tích lịch sử thắng cảnh núi Mo So huyện Kiên Lương: Công trình đã hoàn thành và đang tập hợp hồ sơ quyết toán trình Sở Giao thông kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng.

- Gói thầu số 30: Thi công xây dựng cầu cảnh từ đường chính vào Hồ Hoa Mai; nâng cấp mở rộng đường trục chính vào điểm du lịch Cây Gòn; 02 cống thoát nước: Nhà thầu thi công là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 579 Hà Nội với thời gian thực hiện hợp đồng 730 ngày, kể từ ngày 30/12/2019. Công trình hoàn thành 100% móng cấp phối đá 0x4 với tổng chiều dài 2.600m; 02 cống thoát nước, 02 mô cầu còn chờ lắp dựng cầu cảnh, hiện nay nhà thầu chưa đổ bê tông mặt đường với tổng chiều dài 2.600m do phải chờ gói thầu số 01 ở phía trong thi công xong nhà thầu mới có mặt bằng triển khai thi công.

Hiện dự án đang trình UBND tỉnh điều chỉnh thời gian thực hiện dự án hết năm 2022 theo Công văn số 98/SKHĐT-THQHKH ngày 20/01/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

e) Lĩnh vực Nội vụ

- Công trình Sửa chữa kho lưu trữ chuyên dụng thuộc Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang:

Công trình đã nghiệm thu hoàn thành và đang chờ phê duyệt quyết toán của cấp thẩm quyền.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên việc tổ chức thi công trong điều kiện phòng, chống dịch gặp nhiều khó khăn như: việc huy động nhân lực phần lớn công nhân ở các huyện, thành khác nhau việc đi lại cũng như bố trí ăn ở theo phương châm 03 tại chỗ còn gặp nhiều hạn chế (nơi ăn, ở, chi phí). Ngoài ra những khó khăn trên cũng làm ảnh hưởng đến công tác giải ngân.

- Việc giao quản lý điều hành dự án giữa Chủ đầu tư và Ban Quản lý dự án chưa xác định rõ về hình thức, nội dung nên Ban Quản lý không thể chủ động trong công việc, chỉ thực hiện phối hợp và hỗ trợ Chủ đầu tư khi được yêu cầu.

- Nguồn hàng, vật tư, thiết bị công trình đều phải đặt hàng cung cấp đa phần từ ngoài tỉnh nên việc liên hệ đơn vị cung cấp cũng như đi lại vận chuyển gặp rất nhiều khó khăn.

2. Đề xuất, kiến nghị

- Ban Quản lý dự án sẽ thường xuyên tiến hành mời Nhà thầu hợp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đồng thời đôn đốc các Nhà thầu lập lại bảng tiến độ để đạt khối lượng theo hợp đồng nhằm đảm bảo công tác giải ngân.

- Đối với công tác giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 tại Ban Quản lý có một số dự án không có khả năng giải ngân hết vốn trong năm 2021, Ban quản lý sẽ có ý kiến đề xuất với cấp thẩm quyền chuyển vốn sang năm 2022 để tiếp tục giải ngân cho các công trình đang thi công.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang báo cáo tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công theo các nội dung trên. Đề nghị các Chủ đầu tư tổng hợp báo cáo cho UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành có liên quan. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Các Chủ đầu tư: SYT; SLĐTBXH, SVHTT, STTTT, SDL, SGD, Trường CDKG, SNV;
- BGĐ BQL;
- Phòng: ĐHDA1, ĐHDA2, KHTH, HCKT;
- Lưu: VT, vttra.



GIÁM ĐỐC

Bùi Phước Châu

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 - 2022

(TẤT CẢ CÁC LĨNH VỰC)



Kèm theo Báo cáo số 191/BC-BQL ngày 27/01/2022 của Ban Quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền		Kế hoạch đầu tư công			Thực hiện từ đầu năm đến ngày 27/01/2022 (Giá trị cấp phát)				Ước thực hiện từ đầu năm đến 15/02/2022 (Giá trị cấp phát)				Tỷ lệ giải ngân vốn (%)			Ghi chú
		TMDT		Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022	Năm 2021		Năm 2022	
		Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP	CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022	Vốn 2020 sang 2021	Vốn 2021	Vốn 2022	
1	2	6	7	8	9		10	11	12		13	14	15		16	17		18
I	TỔNG CỘNG	8.630.291	4.708.529	35.062	436.857	400.059	559.869	28.792	386.803	47.249	458.026	28.793	386.460	3.389	82,12	88,54	11,81	
1	Y TẾ	7.523.523	3.891.376	26.186	266.368	303.759	393.448	25.535	256.500	45.424	285.732	25.535	256.500	1.564	97,51	96,30	14,95	
2	LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	157.338	112.338	4.813	28.841	-	42.293	2.824	22.849	-	42.095	2.824	22.849	-	58,66	79,22	-	
3	VĂN HÓA VÀ THỂ THAO	546.366	306.751	891	76.048	45.000	65.299	98	59.919	261	64.923	98	59.577	261	10,95	78,79	0,58	
4	THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	694	694	68	-	-	7	7	-	-	7	7	-	-	10,29	-		
5	GIAO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	52.065	47.065	1.476	-	-	126	126	-	-	126	126	-	-	8,54	-		
p	DU LỊCH	237.913	237.913	-	62.000	51.000	55.153	-	44.498	1.564	61.600	-	44.498	1.564	-	71,77	3,07	
7	CAO ĐẲNG KIÊN GIANG	108.378	108.378	1.628	-	-	203	203	-	-	203	203	-	-	12,49	-		
8	SỞ NỘI VỤ	4.014	4.014	-	3.600	300	3.341	-	3.037	-	3.341	-	3.037	-	-	84,36	-	
II	CỘNG A + B + C + D + E	8.630.291	4.708.529	35.062	436.857	400.059	559.869	28.792	386.803	45.685	458.026	28.793	386.460	1.825				
A	VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	342.755	258.140	7.546	3.600	0	6.481	2.940	3.037	0	6.283	2.940	3.037	0				
B	VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT	7.835.892	4.123.745	27.517	343.523	348.759	450.002	25.852	305.172	44.121	341.910	25.853	304.829	261				
C	VỐN ĐẤT	157.322	157.322	0	50.000	0	53.842	0	43.318	0	60.289	0	43.318	0				
D	VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU	175.000	50.000	0	39.734	0	49.544	0	35.276	0	49.544	0	35.276	0				
E	VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC	119.322	119.322	0	0	51.300	0	0	0	1.564	0	0	0	1.564				

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 - 2022

(LĨNH VỰC Y TẾ)

(Kèm theo Báo cáo số 191 /BC-BQL ngày 27/01/2022 của Ban Quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công			Thực hiện từ đầu năm đến ngày 27/01/2022 (Giá trị cấp phát)				Ước thực hiện từ đầu năm đến 15/02/2022 (Giá trị cấp phát)				Tiến độ đang triển khai thực hiện	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMDT		Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022		
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP	CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		14	15	16		17	18
	TỔNG CỘNG				7.404.201	3.772.054	26.186	266.368	303.759	393.448	25.535	256.500	43.860	285.732	25.535	256.500	0		
A	VỐN CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH				30.342	30.342	1.131	0	0	480	480	0	0	480	480	0	0		
1	Mua sắm thiết bị khám và điều trị cho các bệnh viện tuyến huyện và Trung tâm Kiểm nghiệm	TT	2018-2020	2439, 31/10/2018	30.342	30.342	1.131	-		480	480	-		480	480	-		Đã QT, thừa vốn	
B	VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT				7.373.859	3.741.712	25.055	266.368	303.759	392.969	25.055	256.500	43.860	285.252	25.055	256.500	0		
1	BVĐK tỉnh Kiên Giang - quy mô 1020 giường	RG	2016-2022	2010, 25/9/2017; 2664, 21/01/2019 2958 02/12/2021	4.113.078	1.933.408		96.100		96.100		96.100		96.100		96.100		Trả nợ QT	
2	Bệnh viện Ung Bướu	RG	2011-2020	2083, 22/9/2011; 212, 23/01/2017; 2202	822.369	164.474	2.718	2.538		4.708	2.718	1.990		4.708	2.718	1.990		Tập hợp hồ sơ kiểm toán độc lập	
3	Bệnh viện Sản Nhi	RG	2015-2018	426, 03/3/2015; 1982, 18/8/2021	915.857	183.171		50.000	10.000	42.025		42.025		44.222		42.025		Đang chờ cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán các gói thầu	

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công			Thực hiện từ đầu năm đến ngày 27/01/2022 (Giá trị cấp phát)				Ước thực hiện từ đầu năm đến 15/02/2022 (Giá trị cấp phát)				Tiến độ đang triển khai thực hiện	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMDT		Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022		
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP	CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		
4	Bệnh viện Tâm thần	RG	2010-2020	67, 10/01/2011; 1116, 12/5/2016; 2629, 04/12/2017	166.192	104.296		12.000		11.238		11.238		11.238		11.238		Trả nợ QT	
5	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	UMT	2017-2020	2279, 30/10/2017	190.000	190.000		230		230	-	230		230	-	230		Đang điều chỉnh DA	
6	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	GT	2017-2020	2280, 30/10/2017	160.000	160.000	-	500		200	-	200		200	-	200			
7	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường	RG	2019-2023	2433, 31/10/2018	761.195	761.195	-	15.000	293.759	16.500	-	15.000	43.860	16.500	-	15.000		Đang triển khai khoan thả cọc D600 mm	
8	Đầu tư thiết bị, phòng mổ kỹ thuật cao (HYBRID) tại bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	RG	2019-2021	2486, 31/10/2019	245.168	245.168	22.337	90.000		221.968	22.337	89.717		112.054	22.337	89.717		Đang chờ cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán	
C	VỐN ĐẤT				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
D	VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
E	VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 -2022

(LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI)

(Kèm theo Báo cáo số 191 /BC-BQL ngày 24 / 01 /2022 của Ban Quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công			Thực hiện từ đầu năm đến ngày 27/01/2022 (Giá trị cấp phát)				Ước thực hiện từ đầu năm đến 15/02/2022 (Giá trị cấp phát)				Tiến độ đang triển khai thực hiện	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMĐT		Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022		
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP	CN 2020 sang 2021	KHV 2021			KHV 2022	CN 2020 sang 2021			KHV 2021	KHV 2022			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG CỘNG				157.338	112.338	4.813	28.841	0	42.293	2.824	22.849	0	42.095	2.824	22.849	0		
A	VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH				18.341	18.341	3.287	0	0	2.305	2.107	0	0	2.107	2.107	0	0		
1	Nâng cấp, mở rộng trụ sở làm việc Sở Lao động TBXH tỉnh KG	RG	2018-2020	312, 30/10/2017; 423, 07/11/2019	9.341	9.341	2.606	-		1.650	1.452	-		1.452	1.452	-		Trả nợ QT thừa vốn	
2	Mở rộng trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú	GR	2018-2020	324/QĐ-SKHĐT, 29/10/2018;	9.000	9.000	681	-		655	655	-		655	655	-		Chi trả tiền bồi hoàn GPMB	
B	VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT				93.997	93.997	1.526	12.341	0	16.001	717	10.807	0	16.001	717	10.807	0		
1	Đài tưởng niệm liệt sĩ huyện Kiên Hải	KH	2015-2020	532, 25/12/2019; 269, 07/9/2020	14.084	14.084	449	-		449	449	-		449	449	-		Trả nợ QT	
2	Chỉnh trang cơ sở hạ tầng khu từ trần thuộc nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Kiên Giang; HM: tường rào bao quanh, nhà vệ sinh, xây sân học mộ, san lấp mặt bằng, hệ thống giao thông, thoát nước, hệ thống cấp điện chiếu sáng và cây xanh	RG	2016-2017	380/QĐ-SKHĐT, 26/10/2015	14.894	14.894		775		775	-	775		775	-	775		Trả nợ QT	
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường trung cấp nghề Tân Hiệp	TH	2018-2020	326/QĐ-SKHĐT, 29/10/2018	9.669	9.669	509	-		43	43	-		43	43	-		Đã QT, thừa vốn	

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công			Thực hiện từ đầu năm đến ngày 27/01/2022 (Giá trị cấp phát)				Ước thực hiện từ đầu năm đến 15/02/2022 (Giá trị cấp phát)				Tiến độ đang triển khai thực hiện	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMĐT		Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022		
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSĐP	CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		
4	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sĩ xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao	GQ	2019-2020	338/QĐ-SKHĐT, 30/10/2018	3.000	3.000	66	46		112	66	46		112	66	46		Trả nợ QT	
5	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sĩ Phú Quốc	PQ	2019-2020	198/QĐ-BQLKKTQP, 16/10/2018; 118, 03/6/2019	10.000	10.000	502	-		159	159	-		159	159	-		Trả nợ QT, thừa vốn	
6	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sĩ huyện An Minh	AM	2019-2020	334/QĐ-SKHĐT, 29/10/2018	7.000	7.000		320		294		294		294		294		Trả nợ QT, thừa vốn	
7	Nghĩa trang Liệt sĩ Cây Bàng	UMT	2019-2020	339/QĐ-SKHĐT, 30/10/2018	10.350	10.350		1.200		936		936		936		936		Trả nợ QT	
8	Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang	RG	2019-2021	2435/QĐ-UBND, 31/10/2018	25.000	25.000	-	10.000		13.233	-	8.756		13.233	-	8.756		Đang tổng hợp hồ sơ gửi Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu	
C	VỐN ĐẤT				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
D	VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU				45.000	0	0	16.500	0	23.987	0	12.042	0	23.987	0	12.042	0		
1	Nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm	PQ	2017-2021	270, 31/10/2017, 139, 12/6/2019; 33, 27/01/2021	45.000	-	-	16.500		23.987	-	12.042		23.987	-	12.042		Đang thực hiện kiểm toán độc lập	
E	VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC																		

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 -2022

(LĨNH VỰC VĂN HÓA - THỂ THAO)

Kiểm tra theo Báo cáo số 191 /BC-BQL ngày 27/01/2022 của Ban Quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công			Thực hiện từ đầu năm đến ngày 27/01/2022 (Giá trị cấp phát)				Ước thực hiện từ đầu năm đến 15/02/2022 (Giá trị cấp phát)				Tiến độ đang triển khai thực hiện	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMĐT		Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022		
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP	CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG CỘNG				546.366	306.751	891	76.048	45.000	65.299	98	59.919	261	64.923	98	59.577	261		
A	VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH				129.615	50.000	24	0	0	26	24	0	0	26	24	0	0		
1	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	RG	2017-2022	2283, 30/10/2017; 1051, 28/4/2020	129.615	50.000	24	0		26	24			26	24				
B	VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT				286.751	206.751	867	52.814	45.000	39.716	74	36.685	261	39.339	74	36.343	261		
1	Bảo tồn và phát triển ấp văn hóa truyền thống dân tộc Khmer	RG	2010-2018	1856, 24/8/2010; 1167, 18/5/2018	8.873	8.873		759		791		719		791		719		Đã hoàn thành	
2	Trung tâm VHTT huyện Gò Quao	GQ	2017-2019	2467, 31/10/2016	16.999	16.999	157											Đã QT, thừa vốn	
3	Trung tâm VHTT huyện Giồng Riềng	RG	2018-2020	218/QĐ-SKHĐT, 11/9/2017	9.971	9.971	444			23	23			23	23			Đã QT, thừa vốn	
4	Trung tâm VHTT huyện Tân Hiệp	TH	2018-2020	331/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017;	9.200	9.200	120			20	20			20	20			Đã QT, thừa vốn	
5	Dự án bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa:	GQ, RG, GR, TH	2018-2020	2282, 30/10/2017;	36.000	36.000		9.200		8.911		8.911		8.911		8.911		Trả nợ QT	
6	Trung tâm VHTT huyện Hòn Đất	HĐ	2018-2021	332, 29/10/2018 372, 01/12/2020	10.700	10.700		1.500		979		979		979		979		Trả nợ QT	

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công			Thực hiện từ đầu năm đến ngày 27/01/2022 (Giá trị cấp phát)				Ước thực hiện từ đầu năm đến 15/02//2022 (Giải trị cấp phát)				Tiến độ đang triển khai thực hiện	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMBT		Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022		
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP	CN 2020 sang 2021	KHV 2021			KHV 2022	CN 2020 sang 2021			KHV 2021	KHV 2022			
7	Trung tâm VHTT huyện Kiên Hải	KH	2018-2021	340/QĐ-SKHĐT, 30/10/2018	13.164	13.164		2.205		96		96		96		96		Trả nợ QT	
8	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020	RG	2019-2022	2434, 31/10/2018; 2707, 25/11/2020	49.616	49.616	-	31.950	15.000	24.682	-	22.438		24.682	-	22.438		Đang triển khai thi công	Chủ đầu tư thực hiện
9	Trùng tu tôn tạo di tích Tháp 04 sư liệt sĩ (giai đoạn 2)	CT	2019-2021	369, 28/10/2019	2.228	2.228	146	-		31	31	-		31	31	-		Đã QT, thừa vốn	
10	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	RG	2017-2022	2283, 30/10/2017; 1051, 28/4/2020; 944, 09/4/2021	130.000	50.000	-	3.200	30.000	3.807	-	3.200	261	3.807	-	3.200	261	Đang thi công từng vách tầng 2 khối nhà N1	
11	Đầu tư xây dựng Quảng trường trung tâm và tượng đài Bác Hồ tại phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	PQ	2020-2025	548/NQ-HĐND, 14/01/2021	353.000	153.000		4.000		377		343		377		343		Chủ đầu tư thực hiện	
C	VỐN ĐẤT				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
D	VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU				130.000	50.000	0	23.234	0	25.557	0	23.234	0	25.557	0	23.234	0		
1	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	RG	2017-2022	2283, 30/10/2017; 1051, 28/4/2020	130.000	50.000	-	23.234		25.557	-	23.234		25.557		23.234		Đang thi công từng vách tầng 2 khối nhà N1	
E	VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 -2022
(LĨNH VỰC DU LỊCH)

(Kèm theo Báo cáo số 191/BC-BQL ngày 27/01/2022 của Ban Quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công			Thực hiện từ đầu năm đến ngày 27/01/2022 (Giá trị cấp phát)				Ước thực hiện từ đầu năm đến 15/02/2022 (Giá trị cấp phát)				Tiến độ đang triển khai thực hiện	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMDT		Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022		
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP	CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG CỘNG				357.235	357.235	0	62.000	51.000	55.153	0	44.498	1.564	61.600	0	44.498	1.564		
A	VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
B	VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT				80.591	80.591	0	12.000	0	1.311	0	1.180	0	1.311	0	1.180	0		
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu di tích lịch sử thắng cảnh núi Mo So và Hồ Hoa Mai.	KL, UMT	2016-2021	695, 28/3/2016; 1959, 31/8/2016; 1245, 20/5/2021	80.591	80.591	0	12.000		1.311		1.180		1.311		1.180		Đang điều chỉnh DA	
C	VỐN ĐẤT				157.322	157.322	0	50.000	0	53.842	0	43.318	0	60.289	0	43.318	0		
2	Đường vào khu du lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Phận - mộ Chi Sứ)	HD	2019-2022	2505, 31/10/2019	59.453	59.453	-	10.000		3.000	-	8.821		9.703	-	8.821		Đang thi công đổ bê tông mặt đường	
3	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào điểm du lịch cây gòn (Đoạn Cây Gòn - Kênh 14)	UMT	2019-2021	2503, 31/10/2019	38.000	38.000	-	17.000		25.286	-	11.498		25.286	-	11.498		Đang thi công gói thầu số 02: Trồng cây xanh	
4	Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê + đoạn đường UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cổng Hòn Quáo)	HD	2019-2021	2496, 31/10/2019, 703, 18/3/2021	59.869	59.869	-	23.000		25.556	-	23.000		25.300	-	23.000		Đã bàn giao mặt bằng thi công	
D	VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU						0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
E	VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC				119.322	119.322	0	0	51.000	0	0	0	1.564	0	0	0	1.564		



STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công			Thực hiện từ đầu năm đến ngày 27/01/2022 (Giá trị cấp phát)				Ước thực hiện từ đầu năm đến 15/02//2022 (Giải trị cấp phát)				Tiến độ đang triển khai thực hiện	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMDT		Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022		
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP	CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		
1	Đường vào khu du lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Phận - mộ Chị Sứ)	HĐ	2019-2022	2505, 31/10/2019	59.453	59.453			21.000										
2	Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê + đoạn đường UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cầu Hòn Quáo)	HĐ	2019-2022	2496, 31/10/2019, 703, 18/3/2021	59.869	59.869			30.000				1.564				1.564		





TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 - 2022

(LĨNH VỰC THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG)

(Kèm theo Báo cáo số 191/BC-BQL ngày 22/01/2022 của Ban Quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công			Thực hiện từ đầu năm đến ngày 27/01/2022 (Giá trị cấp phát)				Ước thực hiện từ đầu năm đến 15/02/2022 (Giá trị cấp phát)				Tiến độ đang triển khai thực hiện	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMDT		Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLH T	Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022		
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP	CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		CN 2020 sang 2021	KHV 2021	KHV 2022		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG CỘNG				694	694	68	0	0	7	7	0	0	7	7	0	0		
A	VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
B	VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT				694	694	68	0	0	7	7	0	0	7	7	0	0		
1	Công trình Bia tưởng niệm các chiến sĩ giao liên và thông tin tỉnh Rạch Giá (Kiên Giang)	RG	2020	384, 30/10/2019	694	694	68	-		7	7	-		7	7	-		Đã QT, thừa vốn	
C	VỐN ĐẤT				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
D	VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
E	VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 - 2022

(LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO)

(Kèm theo Báo cáo số 191 /BC-BQL ngày 27 /01 /2022 của Ban Quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công			Thực hiện từ đầu năm đến ngày 27/01/2022 (Giá trị cấp phát)				Ước thực hiện từ đầu năm đến 15/02/2022 (Giá trị cấp phát)				Tiến độ đang triển khai thực hiện	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMĐT		Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022		
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP	CN 2020 sang 2021	KHV 2021			KHV 2022	CN 2020 sang 2021			KHV 2021	KHV 2022			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	<u>TỔNG CỘNG</u>				<u>52.065</u>	<u>47.065</u>	<u>1.476</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>126</u>	<u>126</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>126</u>	<u>126</u>	<u>0</u>	<u>0</u>		
A	VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH				52.065	47.065	1.476	0	0	126	126	0	0	126	126	0	0		
1	Trường THCS Bình An, huyện Châu Thành	CT	2018-2019	2287/QĐ-UBND, 30/10/2017	23.490	23.490	370	-		23	23	-		23	23	-		Đã QT, thừa vốn	
2	Trường THCS Hòn Hèo (Trường PTCS Sơn Hải) huyện Kiên Lương (Đối ứng NH NNPTNT Tài trợ)	KL	2018-2020	186/QĐ-SKHĐT, 25/6/2020;	14.990	9.990	288	-		51	51	-		51	51	-		Đã QT, thừa vốn	
3	Trường THPT UMT	UMT	2018-2020	145/QĐ-SKHĐT, 8/6/2020	13.585	13.585	818	-		52	52	-		52	52	-		Đã QT, thừa vốn	
B	VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
C	VỐN ĐẤT				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
D	VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
E	VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 - 2022

(LĨNH VỰC CAO ĐẲNG KIÊN GIANG)

(Kính theo Báo cáo số 1/1 /BC-BQL ngày 27/01/2022 của Ban Quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công			Thực hiện từ đầu năm đến ngày 27/01/2022 (Giá trị cấp phát)				Ước thực hiện từ đầu năm đến 15/02//2022 (Giá trị cấp phát)				Tiến độ đang triển khai thực hiện	Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMĐT		Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022		
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP	CN 2020 sang 2021	KHV 2021			KHV 2022	CN 2020 sang 2021			KHV 2021	KHV 2022			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	<u>TỔNG CỘNG</u>				<u>108.378</u>	<u>108.378</u>	<u>1.628</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>203</u>	<u>203</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>203</u>	<u>203</u>	<u>0</u>	<u>0</u>		
A	VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH				108.378	108.378	1.628	0	0	203	203	0	0	203	203	0	0		
1	ĐTXD Trường CD Kinh tế - Kỹ thuật Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020.	RG	2016-2020	2582, 30/10/2015	60.178	60.178	1.141			123	123			123	123			Đã QT, thừa vốn	
2	ĐTXD Trường CD cộng đồng Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020.	RG, CT	2016-2020	2585, 30/10/2015; 1490, 29/6/2016; 780, 30/3/2020	48.200	48.200	487			80	80			80	80			Đã QT, thừa vốn	
B	VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
C	VỐN ĐẤT				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
D	VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
E	VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 - 2022

(LĨNH VỰC NỘI VỤ)

(Kèm theo Báo cáo số 191 /BC-BQL ngày 27/01/2022 của Ban Quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền				Kế hoạch đầu tư công			Thực hiện từ đầu năm đến ngày 27/01/2022 (Giá trị cấp phát)			Ước thực hiện từ đầu năm đến 15/02/2022 (Giá trị cấp phát)			Tiến độ đang triển khai thực hiện	Ghi chú		
			Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	TMĐT		Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021		Năm 2022	Giá trị KLHT	Năm 2021			Năm 2022	
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: NSDP	CN 2020 sang 2021	KHV 2021			KHV 2022	CN 2020 sang 2021			KHV 2021				KHV 2022
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	<u>TỔNG CỘNG</u>				<u>8.028</u>	<u>8.028</u>	<u>0</u>	<u>3.600</u>	<u>300</u>	<u>3.341</u>	<u>0</u>	<u>3.037</u>	<u>0</u>	<u>3.341</u>	<u>0</u>	<u>3.037</u>	<u>0</u>		
A	VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH				4.014	4.014	0	3.600	0	3.341	0	3.037	0	3.341	0	3.037	0		
1	Sửa chữa kho lưu trữ chuyên dụng thuộc Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang	RG-KG	2020-2022	2264, 29/10/2012; 800, 3/4/2017; 386, 11/12/2020	4.014	4.014	-	3.600		3.341	-	3.037		3.341	-	3.037		Đang khắc phục sửa chữa theo yêu cầu của hội đồng nghiệm thu	
B	VỐN XỎ SỔ KIẾN THIẾT				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
C	VỐN ĐẤT				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
D	VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
E	VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC				4.014	4.014	0	0	300	0	0	0	0	0	0	0	0		
1	Sửa chữa kho lưu trữ chuyên dụng thuộc Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang	RG-KG	2020-2022	2264, 29/10/2012; 800, 3/4/2017; 386, 11/12/2020	4.014	4.014			300										